TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngạch và ông Phan Văn Tiến.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 15/7/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16/4/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 26/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Anh T; sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Anh T đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng đi làm công nhân ở miền Nam, đến năm 2016 thì anh T phạm tội phải đi chấp hành án 06 năm. Sau khi anh T ra tù thì vợ chồng về quê sinh sống cùng mẹ chồng và vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cải vả, không hợp nhau và chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ đó cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân; xác nhận thông tin cư trú; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; bản tự khai.

Tại bản tự khai đề ngày 30/5/2024, bị đơn anh Phạm Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất các nội dung về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc bình thường tại xóm N, xã H. Anh thừa nhận mặc dù thời gian chung sống vợ chồng có cải vả nhưng không có bạo lực gia đình, không có mâu thuẫn gì trầm trọng, đến năm 2021 thì chị H bỏ đi và sống ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh thấy anh không có lỗi lầm gì về việc chung sống chuyện vợ chồng, chị H chưa đưa ra được lý do hợp lý.

Về con chung: Anh và chị H chưa có con chung như chị H trình bày.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai, đề ngày 30/5/2024.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến tham gia các phiên hòa giải. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Anh T có địa chỉ cư trú tại xóm N, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải cho các bên đương sự. Bị đơn anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi hòa giải. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh T nhưng bị đơn đã 02 lần vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Bùi Anh T và chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hương Khê vào ngày 21/5/2013 theo Giấy đăng ký kết hôn số 25/2013, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, lý do là vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay và vợ chồng chưa có con chung. Nay chị H không còn tình cảm với anh T nên làm đơn ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh không có lỗi và chị H chưa đưa ra được lý do ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho các bên tham gia các phiên hòa giải nhưng anh Tuấn không phối hợp có mặt tham gia hòa giải, còn chị H vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và vợ chồng đã sống ly thân, bỏ mặc nhau..., nên không còn tình nghĩa vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, đồng ý cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Anh T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008007 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng